

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH HẬU GIANG**

**Bản án số: 01/2022/KDTM-ST**

**Ngày: 12/01/2022.**

**V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Nghị.

2. Ông Nguyễn Văn Tho.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***

Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2021/QĐST-KDTM ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH XD TM VCKHT.

Trụ sở: ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật ông Lương Văn H - Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền Nguyễn Thị Mỹ H theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021 (có mặt).

*Bị đơn:* Công Ty cổ phần SCVN.

Trụ sở: Tầng 5 tòa nhà 132 – 134 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1,

thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn B – Chức vụ tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền Nguyễn Hồng Q văn bản ủy quyền ngày 30/3/2021 (vắng mặt).

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH L&M VN.

Trụ sở: Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A – giai đoạn 1, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo pháp luật ông Lee Man B, chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền ông CHEUNG CHUN T văn bản ủy quyền số AC-20200408-22 ngày 078/4/2020.

Ông CHEUNG CHUN T ủy quyền cho bà Nguyễn Ngọc D, địa chỉ 75/1E khóm 3, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt). Ông Ung Khôi N, địa chỉ: số 22 Trần Quang Khải, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Vào ngày 19/7/2018 và ngày 20/10/2018 nguyên đơn có ký hợp đồng với bị đơn nội dung hợp đồng số 01 cung cấp nhân công phương tiện cơ giới lắp đặt cho dự án cống thoát nước xung quanh nền đường sân bãi container. Gói 02 cống thoát nước và nền đường nửa phía đông đường nhà máy Lee&Man Kho 5 và xung quanh kho 10. Nguyên đơn đã thực hiện xong và quyết toán với công ty Lee&Man nhưng thực ra là công ty SOCON quyết toán với công ty Lee&Man. Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên có thanh toán theo từng phần của hợp đồng cụ thể bị đơn cũng đã thanh toán cho nguyên đơn được 16.216.758.012 đồng. Hiện nay công trình tại công ty Lee&Man đã thi công xong nhưng nguyên đơn chưa quyết toán được với bị đơn do chưa thống nhất được khối lượng. Giá trị còn lại của hai hợp đồng này là 7.096.107.907 đồng mà nguyên đơn đã thực hiện công trình tại công ty Lee&Man. Yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 7.096.107.907 đồng.

Đại diện bị đơn Nguyễn Hồng Q trình bày: Bị đơn thống nhất giữa bị đơn và nguyên đơn có ký hai hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Trong quá trình thi

công theo nội dung hai hợp đồng, bị đơn cũng đã thanh toán cho nguyên đơn được 16.216.758.012 đồng. Vào ngày 02/01/2021 bị đơn đã thanh toán hợp đồng nhận thầu với công ty Lee&Man và Lee&Man còn thiếu lại bị đơn 3.034.970.162 đồng. Trước đó vào ngày 28/12/2020 bị đơn đã gửi hồ sơ quyết toán cho nguyên đơn đối với giá trị của hợp đồng nhưng hai bên chưa thống nhất giá trị và khối lượng của hai hợp đồng. Bị đơn thừa nhận khối lượng công việc nguyên đơn thực hiện là đúng theo bản quyết toán với công ty Lee&Man nhưng còn chênh lệch về đơn giá cần đối chiếu lại. Về đơn giá cụ thể thì lúc ký hợp đồng đã có thỏa thuận về đơn giá bị đơn chỉ thiếu nguyên đơn 921.329.419 đồng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, cần đối chiếu lại công nợ, khối lượng thi công, đơn giá và các khoản bồi thường thiệt hại phạt do nguyên đơn thi công chậm theo quy định của hợp đồng. Bị đơn đề nghị được làm việc lại để đối chiếu công nợ với nguyên đơn.

Đại diện công ty có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc D và Ung Khôi N cùng trình bày: Theo hợp đồng thi công số LMP-VLM2-101-01-013 ngày 29/6/2018 giữa công ty Lee&Man và bị đơn, thi công lắp đặt cống thoát nước xung quanh nền đường và sân bãi container 12. Hợp đồng số LMP-VLM2-080-01-029 ngày 06/10/2018 giữa công ty Lee&Man và bị đơn, thi công công trình lắp đặt đường ống thoát nước và nền đường nửa phía đông đường Lee&Man, kho 5 và xung quanh kho 10. Để thực hiện các hợp đồng trên bị đơn đã thực hiện thông qua nhà thầu phụ là nguyên đơn. Giá trị của hai hợp đồng 47.888.612.970 đồng, giá trị đã kết toán với bị đơn 25.090.554.751 đồng, đã thanh toán cho bị đơn 22.055.584.589 đồng, còn nợ lại bị đơn 3.034.970.162 đồng. Do bị đơn chưa hoàn tất các thủ tục thanh toán hợp đồng, cụ thể chưa cung cấp hóa đơn và hồ sơ thanh toán cần thiết theo quy định của hợp đồng. Việc thanh toán khi chưa đầy đủ hồ sơ sẽ gây thiệt hại cho Lee&Man.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 7.096.107.907 đồng và lãi suất theo quy định. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 7.096.107.907 đồng trong hợp đồng giao thầu giữa nguyên đơn và bị đơn, nơi thực hiện hợp đồng tại công ty Lee&Man địa chỉ cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A – Giai đoạn 1, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Do đó căn cứ vào Điều 30, 35, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt của bị đơn quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn có đến Tòa án cho ý kiến về việc giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do, tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu trong hợp đồng xây dựng số tiền 7.096.107.907 đồng. Xét hợp đồng xây dựng số LMP-VLM2-101-01-013 ngày 29/6/2018 giữa công ty Lee&Man và bị đơn với giá trị hợp đồng 20.119.441.045 đồng, hợp đồng số LMP-VLM2-080-01-029 ngày 06/10/2018 giữa công ty Lee&Man và bị đơn với giá trị hợp đồng 27.769.171.925 đồng. Trên cơ sở hợp đồng LMP-VLM2-101-01-013 bị đơn ký hợp đồng giao thầu lại cho nguyên đơn hợp đồng LMC-GTL-CON-CT-0001 ngày 19/7/2018 giá trị hợp đồng 18.359.656.318 đồng và phụ lục hợp đồng 01 số LMC-GTL-CT-0001/AD-01 ngày 02/01/2019 với giá trị 2.024.174.701 đồng. Trên cơ sở hợp đồng LMP-VLM2-080-01-029 bị đơn ký hợp đồng giao thầu lại cho nguyên đơn hợp đồng LMC-GTL-CON-CT-0002 ngày 20/10/2018 với giá trị hợp đồng 25.825.329.890 đồng. Nội dung công việc nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ theo nội dung của hai hợp đồng cụ thể bị đơn đã kết toán với công ty Lee&Man vấn đề này đại diện bị đơn và phía công ty Lee&Man cũng đã thừa nhận. Đại diện bị đơn cũng thừa nhận bảng kê khối lượng công trình mà nguyên đơn giao cho bị đơn và kê khối lượng công trình mà bị đơn kết toán với công ty Lee&Man là đúng về khối lượng. Hơn nữa trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đại diện bị đơn có xin thời

gian để đối chiếu lại nhưng bị đơn không có thiện chí đối chiếu lại công nợ gửi cho Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng bảng kê khối lượng công trình giữa bị đơn và công ty Lee&Man và bảng kê khối lượng công trình giữa bị đơn và nguyên đơn là giống nhau chỉ khác nhau về đơn giá, bị đơn cũng thừa nhận bảng kê khối lượng công trình là đúng, thấy rằng nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn số tiền 7.096.107.907 đồng và đề nghị của địa diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, trong hai hợp đồng của nguyên đơn và bị đơn đều không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng khi có tranh chấp phát sinh yêu cầu tính lãi. Tòa án tính lãi căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại 2005 để giải quyết vụ kiện. Tòa án đã tiến hành xác định lãi suất của ba ngân hàng trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Châu Thành. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – phòng giao dịch huyện Châu Thành. Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hậu Giang thì mức lãi bình quân cho vay trung hạn của ba ngân hàng nêu trên là 14.27% trên năm, tức là 1.18% trên tháng. Đối với hợp đồng giao thầu lại số LMC-GTL-CON-CT-0001 ngày 19/7/2018, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 6.741.302.512 đồng và thời gian tính lãi từ ngày 01/8/2019 đến thời điểm xét xử là ngày 12/01/2022 là 29 tháng 11 ngày. Đối với hợp đồng giao thầu lại số LMC-GTL-CON-CT-0002 ngày 20/10/2018, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 354.805.395 đồng và thời gian tính lãi từ ngày 01/8/2020 đến thời điểm xét xử là ngày 12/01/2022 là 17 tháng 11 ngày. Nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 của để áp dụng mức lãi suất 10%/ năm để tính toán số tiền lãi do chậm thanh toán, tức 0.83%/tháng, yêu cầu này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn trong việc trả lãi. Và đề nghị của đại diện Viện sát yêu cầu chấp nhận mức lãi suất này là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy tiền lãi được tính ra như sau: số tiền vốn 6.741.302.512 đồng x (0.83% x 29 tháng 11 ngày) = 1.622.631.490 đồng. 354.805.395 đồng x (0.83% x 17 tháng 11 ngày) = 51.142.836 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty Lee&Man thanh toán bù trừ cho Công ty HT thay cho Công ty Socon đối với phần công nợ mà Công ty Lee&Man đang còn tạm giữ của Công ty Socon có liên quan đến công trình mà Công ty Huệ Tấn thực hiện với tư cách là thầu phụ. Công ty Lee&Man không có ký hợp đồng xây dựng với Công ty Huệ Tấn nên số tiền Công ty Lee&Man còn nợ

lại Công ty SOCON là việc giữa công ty Lee&Man và Công ty SOCON không liên quan Công ty Huệ Tấn. Nên Công ty HT không có quyền yêu cầu thanh toán bù trừ khi chưa có sự đồng ý của Công ty SOCON và Công ty Lee&Man. Công ty Huệ Tấn ký hợp đồng với Công ty SOCON nên việc trả nợ là Công ty SOCON có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty HT nên yêu cầu này không được Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 30, 35, 40, 147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.  
Điều 50, 306 luật thương mại năm 2005.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công Ty cổ phần SC VN phải trả cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ cơ khí HT số tiền còn thiếu trong hợp đồng xây dựng 7.096.107.907 đồng (bảy tỷ không trăm chín mươi sáu triệu một trăm lẻ bảy ngàn chín trăm lẻ bảy đồng) và trả lãi 1.694.290.356 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu hai trăm chín mươi ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng). Tổng vốn và lãi 8.790.398.263 đồng (tám tỷ bảy trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm sáu mươi ba đồng).

2/ Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 116.790.000 đồng (một trăm mười sáu triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn được nhận lại 66.961.000 đồng (sáu mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi một ngàn đồng) tiền tạm

ứng án phí theo biên lai số 0007640 ngày 22/2/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

5/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Nhân**